

# NỀN GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC TRONG BƯỚC ĐẦU HƯỚNG TỚI CẬN ĐẠI HÓA (1862 - 1894)

ĐÀO DUY ĐẠT

*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*

**T**oi người đều biết, Trung Quốc là một trong số ít quốc gia trên thế giới từng có nền văn minh cổ đại rực rỡ. Trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, trình độ phát triển của quốc gia này và một vài nền văn minh cổ khác trên thế giới – về cơ bản – luôn ở vị trí dẫn đầu. Song, kể từ cuối thế kỷ XV, tình hình trên bắt đầu thay đổi, khi ở phương Tây quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) dần hình thành, khiến nền kinh tế - xã hội ở mỗi nước phát triển nhanh chóng. Không giống với phương Tây, trên quê hương của Bốn phát minh lớn, tình hình lại hoàn toàn trái ngược. Do những mối quan hệ trong chế độ sở hữu phong kiến tồn tại quá lâu dài trên cơ sở nền kinh tế tự nhiên – tự cấp tự túc, sức sản xuất bị ràng buộc nghiêm trọng. Xã hội Trung Quốc, vì vậy, vẫn ở vào trạng thái đình trệ, vô cùng lạc hậu. Dù vị trí dẫn đầu từng “vang bóng” một thời kỳ dài đã mất, nhưng người Trung Quốc, đến tận giữa thế kỷ XIX vẫn giữ thái độ miệt thị, coi các nước tư bản Âu - Mỹ như những thuộc quốc “Đi – Địch” trong quá khứ;

vẫn ôm ấp mộng tưởng “Thiên triều thượng quốc”, ảo tưởng có thể dùng chính sách đóng cửa để duy trì một nước Trung Hoa “tận thiện tận mỹ”.

Chính lúc này, với vũ khí là thuốc phiện và đại bác, thực dân Anh đã gây ra cuộc chiến tranh Thuốc phiện lần thứ I (1840-1842), khiến chính sách “đóng cửa” lâu dài của Trung Quốc bị đột phá. Xã hội phong kiến Trung Quốc theo đó đã có những biến đổi căn bản, từ một quốc gia phong kiến có chủ quyền dần trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Tiếp đó, trước sự tàn bạo của bọn xâm lược nước ngoài và ách áp bức bóc lột tàn khốc của giai tầng thống trị phong kiến, cuộc cách mạng nông dân Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) đã bùng nổ, khiến vương triều Thanh lung lay dữ dội. Trước mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt (nội ưu ngoại hoạn), để duy trì nền thống trị phong kiến và chống lại sự bành trướng của thực dân xâm lược phương Tây, một bộ phận quan liêu, địa chủ thức thời có thực quyền trong giai tầng thống trị Thanh triều đã khởi xướng

phong trào “Tự cường tân chính”, với hi vọng Trung Quốc sẽ giàu mạnh, thoát khỏi nguy cơ vong quốc diệt chủng. Những người chủ trương “Tân chính” lúc đó được gọi là “phái Dương Vụ”, và phong trào tự cường do họ khởi xướng chính là “Phong trào Dương Vụ” (PTDV), hay còn gọi là “Phong trào Đông – Quang tân chính”, vì nó diễn ra dưới hai triều vua Đông Trị và Quang Tự. Phong trào này được triều Thanh tiến hành trong hơn 30 năm (1861-1894), bao gồm nhiều hoạt động trên các lĩnh vực quân sự, kinh tế, văn hóa giáo dục... có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa tư bản<sup>(1)</sup>.

Xuyên suốt Phong trào Dương Vụ, dưới tư tưởng chủ đạo “Trung học vi thể - Tây học vi dụng”<sup>(2)</sup>, PTDV đã ra sức hiện đại hóa quốc phòng, kinh tế, văn hóa giáo dục truyền thống, mà hoàn toàn không đề cập tới lĩnh vực chính trị, thể chế văn hóa TBCN phương Tây. Dù vậy, PTDV đã thích ứng (một cách không tự giác) với trào lưu phát triển của lịch sử nhân loại, bởi vậy, có thể coi PTDV là giai đoạn khởi đầu của tiến trình cận đại hóa Trung Quốc. Cụ thể hơn, như Giáo sư Lý Thời Nhạc đã khẳng định: “Nếu không có sự đề xướng và sự kinh doanh tích cực của phái Dương Vụ thì ở nước Trung Hoa cổ lỗ này không biết bao nhiêu năm nữa mới xuất hiện công nghiệp khai khoáng cận đại, điện tín, giao thông cận đại, giáo dục khoa học kỹ thuật cận đại”<sup>(3)</sup>.

\*

Ở bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu những bước đột phá vào nền giáo dục truyền thống Trung Quốc trong PTDV

trên hai vấn đề cơ bản là việc thành lập những học đường kiểu mới, và việc cử học sinh ra nước ngoài học tập.

## I. THÀNH LẬP NHỮNG HỌC ĐƯỜNG KIỂU MỚI

Sau 2 cuộc chiến tranh Thuộc phiên (1842 và 1860), CNTB phương Tây xâm nhập Trung Quốc, người Trung Quốc lập tức ý thức được “Biến cục ngàn năm chưa từng có” đã đến với đất nước họ. Kết cấu chính trị - xã hội phong kiến truyền thống bị phá vỡ. Nền giáo dục truyền thống theo đó cũng phải trải qua những biến đổi về chất - từ nội dung đến hình thức - để đáp ứng đòi hỏi của thời đại.

Trước PTDV, chế độ giáo dục truyền thống của Trung Quốc - về căn bản - là chế độ tư thực. Đến thời Thanh, giáo dục tư thực tương đối phát triển, với hai hình thức chủ yếu là: 1/ Những gia đình khá giả mời thầy giáo tới nhà dạy dỗ con em họ, gọi là “Giáo quán” hoặc “Toạ quán”; 2/ Nhiều thầy giáo tự xây lớp học tại gia để dạy học sinh, gọi là “Gia thực” hoặc “Tư thực”. Phương pháp dạy của thầy là bắt học trò thuộc lòng, dù trò có hiểu hay không. Nội dung giảng dạy thì bắt đầu từ *Tam tự kinh*, *Thiên tự văn*, rồi học và đọc dần đến *Tứ thư Ngũ kinh* để thông hiểu “Đạo Thánh hiền”. Nói chung, đó là khuôn mẫu dạy và học tồn tại suốt hơn 2000 năm trong xã hội Trung Quốc. Mục đích học của họ là để đi thi. Thi đỗ thì làm quan, “cả họ được nhờ”. Nội dung học và mục đích học như trên đã hình thành nên chế độ nhân tài “tam vị nhất thể” (bao gồm chế độ giáo dục, chế độ khoa cử và chế độ quan lại) tồn tại suốt

hiều thế kỷ ở Trung Quốc. Theo đó, tiêu chuẩn căn bản để đào tạo, đề bạt nhân tài qua giáo dục, khoa cử hoàn toàn không phải là năng lực thực tế của cá nhân nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể trong một lĩnh vực cụ thể nào đó, mà là trình độ lý giải kinh điển Nho gia. Đặc biệt, sau khi hai triều Minh - Thanh (1368 - 1911) quy định dùng thể văn Bát cổ<sup>(4)</sup> để tuyển chọn hiền tài thì chế độ giáo dục và chế độ khoa cử truyền thống ở Trung Quốc đã dần bị xói mòn, ngày càng mất đi lý do tồn tại. Lương Khải Siêu (1873-1929) - nhà tư tưởng lỗi lạc thời cận đại, người từng được đào luyện kỹ càng trong chốn "Cửa Khổng sân Trình", nhưng sau này đã thẳng thắn cho rằng, chế độ khoa cử ràng buộc bằng lối văn Bát cổ chỉ có thể tạo ra những ông quan "Học những điều sẽ không dùng, và làm những điều không được học" (Học phi sử dụng, dụng phi sử học)<sup>(5)</sup>. Tầng lớp trí thức được đào tạo trong chế độ giáo dục đó, phần lớn là những người rất thiếu hiểu biết thực tế, nhất là trên lĩnh vực khoa học tự nhiên. Sau khi xã hội Trung Quốc bước vào thời cận đại, so sánh với nền KHKT tiên tiến của các cường quốc phương Tây du nhập Trung Quốc, người ta bắt đầu nhận thấy sự khác biệt quá lớn giữa hai chế độ giáo dục Trung - Tây. Đặc biệt, sau khi PTDV ra đời, dù là trên lĩnh vực tiếp nhận thiết bị máy móc phương Tây để xây dựng nền công nghiệp quốc phòng hay ở việc học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài nhằm thành lập những xí nghiệp dân dụng, phái Dương Vụ đã cảm nhận thật sâu sắc một điều:

Ở mọi lĩnh vực, Trung Quốc quá thiếu thốn chuyên gia phục vụ mục tiêu "tự cường", đặc biệt nghiêm trọng là Trung Quốc lúc này hầu như không có người am hiểu ngôn ngữ phương Tây.

Nói một cách khái quát, văn hóa Trung Quốc đến lúc này đã vô cùng bạc nhược trước thách thức của nền văn hóa phương Tây tư bản. Bởi, văn minh "Tây di" có những đặc chất cận đại, không giống và hơn hẳn nền văn minh của những dân tộc thiểu số ở xung quanh Trung Quốc trong quá khứ. Trung Quốc - vì vậy -, không thể đồng hóa, thậm chí không có khả năng chỉ để đối phó với chúng.

Sau cuộc Chiến tranh Thuộc phiên lần I, trong quan hệ giữa Trung Quốc với nước ngoài trên các phương diện quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao... triều đình Thanh cảm thấy vô cùng bối rối khi không có đội ngũ phiên dịch có khả năng giao tiếp với họ để thương lượng, đàm phán hay lên án, phản đối, v.v... Khi phái Dương Vụ chủ trương "Cầu cường", vấn đề phiên dịch vẫn cực kỳ nan giải. Vốn từ vựng KHKT trong các nhà máy quốc phòng hay trên bàn đàm phán ngoại giao rõ ràng là không thể học biết được qua lối giao tiếp thông thường. Tuy nhiên, vì tình thế quá bức bách, phái Dương Vụ buộc phải mời những thông ngôn không chuyên, từng có quá trình giao tiếp với người nước ngoài để làm nhiệm vụ phiên dịch. Những người này chủ yếu làm việc tại các hiệu buôn của người nước ngoài ở Quảng Châu (Sử gọi là *Thập tam hàng* hoặc *Dương hoá hàng*, *Ngoại Dương hàng*)<sup>(6)</sup>, địa vị xã hội thấp kém, có người là dân lang thang vô nghề

nghiệp, vì cuộc sống khốn khó phải làm con sen dứa ở cho người nước ngoài. Cũng có một số người là thương nhân, chuyên buôn bán với người nước ngoài tại các cảng khẩu từ sau chiến tranh Thuốc phiện lần I. Vì không được học tập một cách có hệ thống, trình độ ngoại ngữ của họ nói chung chỉ ở mức giao tiếp thông thường hàng ngày, văn tự thì lỗm bỗm. Lớp từ vựng có tính chuyên nghiệp mà họ khá thành thạo chỉ là tên các mặt hàng, giá cả và lối nói chợ búa... Bởi vậy, sử dụng những người này làm phiên dịch trong hoạt động ngoại giao hay trao đổi buôn bán, phái Dương Vụ đương nhiên sẽ phải chịu những thiệt thòi không thể lường được. Trước tình hình trên, triều Thanh và phái Dương Vụ đều cảm thấy vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ phiên dịch một cách bài bản là việc làm vô cùng cấp bách, không thể trì hoãn.

Vậy là, từ đầu những năm 60 của thế kỉ XIX, phái Dương Vụ bắt đầu xúc tiến những hoạt động có tính đột phá trong lĩnh vực giáo dục. Trước hết, tại Bắc Kinh, Thượng Hải và Quảng Châu, họ lần lượt thành lập các *Đông văn quán* - những Học đường ngoại ngữ đầu tiên ở Trung Quốc. Thông qua việc sáng lập các học đường kiểu mới, phái Dương Vụ hi vọng sẽ mở ra con đường tất hướng sang Tây học, nhằm hiểu biết và nắm vững những môn học cách trí của phương Tây để phục vụ PTDV, thúc đẩy sự nghiệp tự cường của đất nước. Theo thống kê, trong hơn 30 năm, kể từ năm 1862, khi Dịch Hân thành lập *Kinh sư đồng văn quán* đến năm 1894, khi *Học đường Hải quân Yên Đài* được sáng lập, phái Dương

Vụ đã lập ra 22 học đường kiểu mới, trong đó có 7 trường chuyên đào tạo ngoại ngữ; 11 trường chuyên giảng dạy về công trình, chế tạo vũ khí, lái tàu; 3 trường đào tạo điện báo viên, và một trường đào tạo lục quân, công nhân khai khoáng, quân y<sup>(7)</sup>. Cùng với sự phát triển của PTDV, tác dụng và vai trò của đội ngũ chuyên gia được đào tạo tại các học đường trên ngày càng được khẳng định. Nếu không có sự nỗ lực của họ, PTDV sẽ không có ý nghĩa *cận đại hóa*, và tất nhiên, cũng không thể có tác dụng to lớn đối với sự phát triển của xã hội Trung Quốc sau này. Xét từ ý nghĩa đó, họ chính là những người đi đầu trong phong trào cận đại hoá Trung Quốc.

Sau đây, xin được giới thiệu *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* (Kinh sư đồng văn quán) - một học đường kiểu mới cận đại hóa đầu tiên do phái Dương Vụ sáng lập, mở đầu cho nền văn hóa giáo dục ở Trung Quốc thời cận đại.

Sau khi Trung Quốc buộc phải mở cửa, một số người trong phái Dương Vụ từng tiếp xúc với người nước ngoài nhận thấy, việc đào tạo đội ngũ phiên dịch là vấn đề bức thiết, tối quan trọng. Năm Hàm Phong thứ 11 (1861), Dịch Hân bèn dâng sớ lên triều đình, đề xuất thành lập *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh*. Lúc đó, Hàm Phong đang lánh nạn tại Nhiệt Hà; sau khi cùng các vương công đại thần thảo luận kiến nghị trên, vua Hàm Phong lập tức chuẩn y bản sớ của Dịch Hân. Song ở Trung Quốc đương thời, thành lập học đường Ngoại ngữ là việc hết sức mới mẻ, rất ít người ủng hộ. Thêm vào đó, điều khiến phái Dương Vụ

cảm thấy hết sức gay gắt là vấn đề giáo viên. Do nguồn giáo viên trong nước không có, phái Dương Vụ buộc phải mời người nước ngoài. Lấy tư cách *Tổng lý các quốc sự vụ nha môn* (gọi tắt là *Tổng lý nha môn*)<sup>(8)</sup>, họ nhờ công sứ các nước tại Trung Quốc giới thiệu cho những người có khả năng giảng dạy. Phần lớn số người được giới thiệu đều là những giáo sĩ đến Trung Hoa truyền đạo, chẳng hạn như Bảo Nhĩ Đàng (người Anh), Tư Mặc Linh (người Pháp)... Tuy *Tổng lý nha môn* không thật thoả mãn và yên tâm khi mời các giáo sĩ giảng dạy, song vì tình thế bắt buộc mà họ đành nhân nhượng. Xuất phát từ mục đích đào tạo nhân tài vì tương lai đất nước, đồng thời với việc trả lương cao cho các giáo sĩ nước ngoài được mời giảng dạy, *Tổng lý nha môn* đã đưa ra những yêu cầu cụ thể với họ, hi vọng các giáo sĩ giảng dạy theo đúng nội dung phía Trung Quốc yêu cầu, không thể biến học đường thành giáo đường, và càng không thể biến học sinh trở thành những giáo đồ.

Về nguồn học sinh, khi dâng số xin lập *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh*, nhóm Dịch Hân chủ trương sẽ tuyển chọn những thiếu niên dưới 14 tuổi, “có tư chất thông minh” trong số con em Bát kỳ. Song, khi bước vào tuyển chọn, tình hình lại hoàn toàn không thuận lợi như họ vẫn nghĩ. Tâm lý e ngại “người Tây” của các bậc phụ huynh, đặc biệt là tiền đồ của con em họ khi ra trường còn chưa rõ khiến họ không muốn cho con em mình nhập trường học tiếng nước ngoài. Bởi vậy, công việc tuyển chọn học sinh của phái Dương Vụ khá là vất vả. Sau

hơn 1 năm, đến ngày 11-7-1862, trường mới tuyển được 10 học sinh người Mãn. *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* chính thức được thành lập.

Tháng 8-1862, nhóm Dịch Hân soạn thảo *Chương trình Học đường Ngoại ngữ* (Đồng văn quán chương trình). Nội dung của *Chương trình*, ngoài những quy định về tương lai của học sinh sau khi ra trường, còn có những quy chế cụ thể về chế độ thi cử, thưởng phạt, đãi ngộ đối với học sinh. Theo đó, mỗi năm học sinh có 3 hình thức kiểm tra (hàng tháng, hàng quý và cuối năm). Sau 3 năm học, *Tổng lý nha môn* sẽ đứng ra tổ chức kì thi tốt nghiệp, phân loại học sinh. Đối với học sinh loại ưu, theo thứ tự sẽ được trao chức quan từ thất phẩm đến cử phẩm; đối với học sinh quá kém hoặc kém có thể bị đuổi hoặc cho phép lưu ban. Đáng tiếc là, chế độ thưởng phạt, đãi ngộ này bị dư luận rộng rãi phản đối mạnh mẽ. Ở một đất nước mà kẻ sĩ theo đòi khoa cử với mục đích làm quan thì tất phải lâu thông kinh sử, giỏi văn hay thơ đã trở thành quan niệm truyền thống cố hữu trong xã hội, đã mặc nhiên được người đời cho là con đường chính thống (chính đồ), cao quý hơn hết thảy mọi nghề (Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao) mà phái Dương Vụ lại dám công khai coi việc học tiếng Tây ngang bằng với nội dung học truyền thống, hơn nữa, lại còn được hưởng chế độ đãi ngộ như nhau, thì quả là sự phạm thượng đối với tiền nhân vậy! Thế là, từ kinh đô đến các tỉnh, nhiều sĩ đại phu tự coi mình xuất thân từ con đường chính thống (chính đồ xuất thân) bèn tụ tập

nhau bàn tán, gửi kiến nghị phản đối, thậm chí có người không ngại dùng cả những lời bịa đặt vô căn cứ để mê hoặc, kích động mọi người tẩy chay việc mời các giáo sĩ nước ngoài giảng dạy tại các học đường, qua đó, chỉ trích Dịch Hân và phái Dương Vụ: “Quý kế vốn đa đoan (chỉ Dịch Hân), sai tiểu triều đình (chỉ *Tổng lí nha môn*) lập Đồng văn quán, quân cơ chẳng lo xa, dụ học trò tôn người Tây làm thầy”<sup>(9)</sup>. Những lời dèm pha, công kích kiểu đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến tính tích cực vừa được nhen lên của những học sinh trong các học đường kiểu mới, đồng thời cũng gây không ít khó khăn cho phái Dương Vụ, khi họ tổ chức chiêu sinh vào các khoa Thiên văn, Toán học sau này.

Tuy nhiên, hiện thực không cho phép phái Dương Vụ lùi bước nên cuối cùng, *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* đã ra đời. Đầu tiên, nhà trường thành lập khoa Anh văn, sau đó là khoa Pháp văn và Nga văn. Mỗi khoa có 10 học sinh; Giáo viên giảng dạy do Công sứ các nước Anh - Pháp - Nga tại Trung Quốc giới thiệu. Sau đó, theo Dịch Hân, để phục vụ PTDV mà chỉ đào tạo đội ngũ phiên dịch là hoàn toàn không đủ. Cần phải lập ra những khoa giảng dạy các bộ môn khoa học cơ bản, đào tạo những học sinh không chỉ giỏi ngoại ngữ mà còn nắm được KHKT tiên tiến của phương Tây. Tháng 12-1866, Dịch Hân lại dâng sớ lên vua Đồng Trị, trình bày: “Người Tây chế tạo máy móc, hoả khí và tàu chiến, tất cả đều từ thiên văn, toán học. Hiện nay, các nơi như Thượng Hải, Chiết Giang... đang rất cần các loại tàu thuyền, nếu

không dồn sức học những vấn đề căn bản thì sẽ chẳng có ích gì cho thực dụng”<sup>(10)</sup>. Sau đó, ông thỉnh cầu triều đình cho phép thành lập khoa Thiên văn và Toán học trong *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh*. Với vị thế khuyh đảo thiên hạ (Dịch Hân là chú ruột vua Đồng Trị); lời lẽ giải thích, thuyết minh của ông ta lại có căn cứ, triều đình Thanh nhanh chóng phê chuẩn kiến nghị của Dịch Hân, đồng thời cử Từ Kế Xa - một người tài cao học rộng - làm đại thần, quản lí *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* và tổ chức chiêu sinh vào các bộ môn khoa học cơ bản.

Cũng như khi thành lập trường Ngoại ngữ, việc tuyển sinh vào khoa Thiên văn và Toán học cũng không hề thuận lợi. Do phái ngoan cố bảo thủ công kích, số người dự thi rất ít. Theo ghi chép trong một số tài liệu, có tất cả 98 người ghi tên dự thi, nhưng sau đó chỉ còn 72 người tham gia thi tuyển, và những người này cũng không phải hoàn toàn đều là những thanh thiếu niên “có tư chất thông minh” mà Dịch Hân kì vọng. Động cơ vào trường của phần lớn thí sinh chỉ là do những chính sách ưu đãi của *Tổng lí nha môn* đối với học sinh, còn về thực chất, năng lực của họ là hết sức bình thường. Dù sao, có vẫn hơn không. Trong 72 người dự thi, Từ Kế Xa chọn được 30 người, nhưng đến cuối khoá học, chỉ có 5 người tốt nghiệp; số còn lại đều bị loại trong quá trình học tập.

Năm 1869, một giáo sĩ người Mỹ - William Alexander Parsons Martin (1827-1916) - được triều đình Thanh cử giữ chức Tổng giáo tập (phụ trách

chương trình giảng dạy chung) của *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh*. Martin đã giữ chức vụ này trong suốt 25 năm (1869-1894)<sup>(11)</sup>. Dưới sự chủ trì của ông ta, năm 1872, *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* tiến hành cải tiến chế độ học tập, chia ra hệ 5 năm và hệ 8 năm, giáo trình học hàng năm của mỗi hệ được soạn chu đáo. Từ những giáo trình giảng dạy này, có thể thấy nội dung học tập chủ yếu của học sinh là các môn KHKT, trong đó, có các chuyên ngành cơ bản như toán học, vật lí, hoá học, công trình, luật quốc tế..., hoàn toàn phù hợp với động cơ học các môn học “thực dụng” của phái Dương Vụ, cũng là chỗ dựa cho niềm hi vọng tự cường của họ. Do cố gắng của tất cả các bên liên quan, tình hình dạy và học của *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* - kể từ khi Martin chủ trì - đã thay đổi về căn bản.

Sau khi ra trường, *Tổng lí nha môn* căn cứ vào thành tích học tập của học sinh và chuyên ngành được đào tạo, cân nhắc sử dụng họ. Trong số đó, có người làm phiên dịch ngoại giao; có người làm Tổng lãnh sự hoặc công sứ ở nước ngoài; có người nhận một chức vụ nào đó trong một nhà máy, xí nghiệp hoặc tổng cục do phái Dương Vụ thành lập; có người giảng dạy trong các học đường kiểu mới; một số người thì được triều Thanh trao cho chức quan nhỏ, phụ trách một công việc nào đó phù hợp với sở học và khả năng của mỗi người. Với vốn kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập không phải là ngắn, sau khi ra trường, ở những cương vị khác nhau, chính họ là những người có công đầu, góp phần quan

trọng khai sáng xã hội Trung Quốc ở nửa cuối thế kỉ XIX.

Trong thời gian Biến pháp Mậu Tuất, tháng 7-1898, chính phủ Thanh thành lập *Kinh sư Đại học đường*, phái Tôn Gia Đĩnh phụ trách. Với tư cách là một trong những tổ chức thực hiện sự nghiệp “Tân chính” của phái Duy Tân, tôn chỉ của trường là “giáo dục nhân tài, chú trọng đến những vấn đề thực tế”, và dự định lập ra 10 khoa, như công học, thương học, nông học...<sup>(12)</sup>. Sau khi Biến pháp Mậu Tuất thất bại, các chí sĩ Duy Tân bị bức hại, mọi chủ trương đổi mới, tiến bộ của trường bị dẹp bỏ. Đến năm 1900, triều Thanh sáp nhập *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* vào *Kinh sư Đại học đường*. Kể từ đó, *Học đường Ngoại ngữ Bắc Kinh* (Kinh sư đồng văn quán) bị giải thể. Sau Cách mạng Tân Hợi, *Kinh sư đại học đường* đổi tên thành trường *Đại học Bắc Kinh* - trường Đại học lớn và có uy tín nhất ở Trung Quốc hiện nay.

## **II. CỬ HỌC SINH RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP**

Cùng với sự phát triển của PTDV, những hiểu biết về KHKT phương Tây của phái Dương Vụ ngày càng đa dạng, họ hiểu rằng đó chính là những thành tựu của một nền văn hoá tiên tiến hơn, người Trung Quốc cần phải bắt chước, học tập. Những học đường Ngoại ngữ phái Dương Vụ thành lập là một trong những biện pháp nhằm tiếp nhận KHKT phương Tây, và quả thực, thông qua những học đường kiểu mới này, văn minh phương Tây - trên tầng diện vật chất - đã không ngừng được giới thiệu

vào Trung Quốc. Song, với tốc độ phát triển của KHKT, biện pháp trên còn tồn tại khá nhiều hạn chế; rõ nhất là các học đường này chủ yếu chỉ đào tạo ngoại ngữ, không đi sâu giảng dạy những môn học cách trí, dẫn đến tình trạng là ở Trung Quốc đương thời, “Việc chế tạo hoàn toàn phải dựa vào sự chỉ dẫn của người nước ngoài (Lời Trịnh Quan ứng). Để thực sự nắm được cốt lõi của KHKT phương Tây, phục vụ mục đích tự cường, đã đến lúc phái Dương Vụ nghĩ tới việc cử người Trung Quốc du học nước ngoài. Song, cử người đi du học là vấn đề hoàn toàn mới mẻ ở Trung Quốc đương thời. Muốn thực hiện được, tất phải có những người quyền thế khởi xướng. Đến đầu những năm 70 của thế kỷ 19, cùng với nhận thức sâu hơn về phương Tây của Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương<sup>(13)</sup>... thì cơ hội du học nước ngoài của học sinh Trung Quốc mới bắt đầu chín muồi. Lúc này, Lý Hồng Chương nhận thấy, cách học của người phương Tây là rất coi trọng thực tế; bất luận là ai, làm nghề gì cũng phải vào trường học để hiểu rõ cái lý (nguyên lý) của môn học, sau đó bản thân thực hành, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn. Như vậy, người học mới có thể hiểu được KHKT phương Tây một cách sâu sắc, bao quát. Đặc biệt là, kể từ sau nửa cuối thế kỷ XIX, với tốc độ phát triển ngày càng nhanh chóng của KHKT thì con đường du học của học sinh Trung Quốc càng trở nên tất yếu. Xuất phát từ yêu cầu chủ quan và hoàn cảnh khách quan đó, năm 1879, Lý Hồng Chương dâng lên triều đình *Bản Dự thảo việc tuyển học sinh du học* (Nghĩ tuyển tử đệ xuất dương học nghệ chiết), chủ trương

chọn những thiếu niên tuổi từ 15 ra nước ngoài học tập trong thời hạn 15 năm. Sau 15 năm, khi về nước, họ sẽ trở thành những công dân thông minh, trí tuệ, có khả năng phục vụ đất nước tốt nhất. Về tiêu chuẩn tuyển học sinh, Lý Hồng Chương chủ trương chọn những thiếu niên thông minh có chí, chất phác thật thà, dám dứt bỏ gánh nặng gia đình, tránh cảnh phồn hoa. Chỉ có như vậy, họ mới có thể “yên tâm học tập nơi đất khách quê người” (Phương năng viễn du dị quốc, an tâm học tập)<sup>(14)</sup>.

Về vấn đề kinh phí, việc gửi học sinh du học đòi hỏi số tiền rất lớn. Xuất phát từ hoàn cảnh và lợi ích thực tế của đất nước, Lý Hồng Chương chọn biện pháp đầu tư theo từng đợt, hơn nữa, mỗi năm lại chỉ cử 30 học sinh du học. Như vậy, tiền đầu tư mỗi năm sẽ là 60.000 lượng bạc. Đối với một quốc gia, đây không phải là việc khó. Và lại, cứ theo kế hoạch đào tạo đó, năm này qua năm khác thì sau mấy chục năm, Trung Quốc sẽ có một đội ngũ chuyên gia trong hầu hết các ngành, lại khắc phục được vấn đề kinh phí eo hẹp.

Với sự đề xướng tích cực của Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương, năm 1872, triều Thanh chính thức cho phép tốp học sinh đầu tiên sang Mỹ lưu học, bắt đầu mở ra con đường du học nước ngoài của người Trung Quốc. Song, điều mà phái Dương Vụ không thể ngờ tới là: Chính từ phong trào du học này, trong tương lai gần, một đội ngũ trí thức kiểu mới xuất hiện ở Trung Quốc sẽ góp phần chôn vùi chế độ phong kiến mà họ đang ra sức duy trì, bảo vệ.



Trên thực tế, trước khi Lý Hồng Chương dâng triều đình *Bản Dự thảo việc tuyển học sinh du học* thì vào năm 1862, Dịch Hân đã có chủ trương này. Tuy nhiên, do lúc đó việc tìm người phụ trách, quản lí lưu học sinh hết sức khó khăn, kế hoạch trên của Dịch Hân đành phải gác lại. Để làm tốt công tác quản lí lưu học sinh, phải là người thạo ngôn ngữ văn tự của nước được cử đến, có những hiểu biết nhất định về phong tục tập quán, lối sống và sinh hoạt của nước đó. Ngoài ra, họ cần phải am hiểu một số bộ môn KHKT phương Tây để có thể liên hệ với ngành giáo dục của nước sở tại. Tóm lại, họ phải là những người từng du học Âu – Mỹ. Những người như thế là cực hiếm ở Trung Quốc đương thời.

Đến năm 1870, vấn đề nan giải trên mới có cơ hội được giải quyết, qua mối quan hệ giữa Tăng Quốc Phiên và Dung Hoàng. Là người Trung Quốc đầu tiên đi Mỹ du học, từng nhập quốc tịch Mỹ, Dung Hoàng (1828-1912) được tiếp thụ một cách hệ thống nền giáo dục tư sản phương Tây. Sau khi về nước, ý thức sâu sắc sự lạc hậu của nền giáo dục truyền thống, ông từng bốn ba khắp nơi kêu gọi đổi mới nền giáo dục, du nhập nền học thuật phương Tây vào Trung Quốc, mong muốn góp phần đưa đất nước bước trên con đường phú cường. Với sự cộng tác tích cực của ông, Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương sau đó đã cùng bàn bạc, định ra *Chương trình tuyển chọn thiếu niên đi nước ngoài tu nghiệp* (Khiêu tuyển ấu đồng tiên phó Thái Tây dị nghiệp chương trình). Theo *Chương trình*, trong 4 năm, phái Dương Vụ sẽ

tuyển 120 học sinh đi Mỹ học tập, mỗi năm cử 30 người, thời gian học tập là 15 năm, sau khi tốt nghiệp trở về nước họ phải tuân thủ sự phân công, không được nhập quốc tịch nước ngoài... Năm 1871, *Chương trình* trên và vấn đề chọn người phụ trách lưu học sinh được triều Thanh phê chuẩn; việc tuyển chọn thiếu niên du học bắt đầu bước vào giai đoạn thực thi. Song đến lúc này, việc tuyển đủ số người du học lại là vấn đề nan giải. Có rất ít người Trung Quốc muốn cho con em mình xuất dương du học, do những nguyên nhân tương tự như trước đó, khi họ ngại ngần để con em nhập học tại các học đường kiểu mới. Chỉ một số học sinh nhà nghèo, vì miếng cơm manh áo mới buộc phải dời quê hương ra nước ngoài học tập. Bởi vậy, số người ghi tên dự tuyển du học là rất ít. Để tuyển đủ số người đi học đợt đầu, Dung Hoàng đành phải tới Hương Cảng tuyển bổ sung cho đủ số lượng 30 học sinh, theo đúng kế hoạch mà Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương thảo ra. Cuối cùng, vào ngày 12-8-1872, tại Thượng Hải, 30 thiếu niên đợt đầu tiên đã lên tàu sang Mỹ. “Vạn sự khởi đầu nan”, đợt đầu đã trót lọt thì việc cử học sinh đi các đợt tiếp sau sẽ thuận lợi hơn nhiều. Kể từ đó đến năm Quang Tự nguyên niên (1875), đã có tất cả 120 thiếu niên Trung Quốc đi Mỹ du học trong bốn đợt, mỗi đợt 30 người.

Sau khi đến nước Mỹ, trước hết lưu học sinh được bố trí ở tại các gia đình người Mỹ, mỗi nhà từ 2 đến 3 người để tiện cho việc học tiếng. Đến một trình độ nhất định, họ sẽ vào học tại các trường tiểu học, hoặc trung học địa phương. Sau

đó, mỗi người tùy theo nguyện vọng của mình, thi vào các trường chuyên nghiệp, bắt đầu quá trình đào tạo chuyên ngành. Kế hoạch, chương trình là như vậy. Song, việc tốt thường lắm gian nan. Không lâu sau khi đến Mỹ, giữa lưu học sinh và Trần Lan Bân – Giám đốc phụ trách họ – bắt đầu có những va chạm. Năm 1875, ông ta về nước báo cáo tình hình. Khu Ngạc Lương được cử thay thế. Năm sau Khu cũng trở về nước, Ngô Tử Đăng lại thay Khu, nhậm chức Giám đốc quản lý lưu học sinh. Việc các vị giám đốc thay nhau bỏ chức trách về nước bảm báo chứng tỏ mối quan hệ giữa họ với Dung Hoàng là không thể hoà hợp, sự hợp tác giữa họ đã không tốt đẹp như phái Dương Vụ mong muốn. Cũng từ đó, triều đình bắt đầu tỏ ra dè dặt đối với Dung Hoàng, coi ông như một phần tử “Tây hoá”. Theo Trần Lan Bân và Ngô Tử Đăng thì Dung Hoàng - với tư cách là phó Giám đốc phụ trách lưu học sinh - đã để mặc học sinh “phóng đảng dâm dật”, “học ít chơi nhiều, bỏ ngoài tai những lời dạy bảo của họ, nhiều học sinh đã vào đạo Gia-tô”. Nếu để những học sinh này ở Mỹ trong thời gian dài, mặc sức “phóng đảng” thì “họ tất sẽ mất hết lòng yêu nước, dù học xong thành tài trở về vẫn sẽ vô ích đối với quốc gia, thậm chí còn có hại cho xã hội”<sup>(15)</sup>. Do đó, họ đề nghị với *Tổng lý nha môn* huỷ bỏ kế hoạch gửi thiếu niên du học tại Mỹ. Những người đang lưu học thì buộc phải về nước trước thời hạn.

Vậy là, vào năm 1881, sau 9 năm lưu học tại Mỹ toàn bộ số lưu học sinh này chia làm ba tốp lên tàu, mang theo mỗi

hạng của mình trở về tổ quốc. Sau đó, trong 21 người du học đợt đầu (1872) được điều tới *Tổng cục Điện báo Thượng Hải* làm việc, những người đi đợt hai và ba cũng được *Cục Thuyền chính Phúc Châu*, *Tổng cục Chế tạo Giang Nam* và trường *Thủy quân Thiên Tân* sử dụng, song dù sao, kế hoạch gửi học sinh du học Mỹ nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước - một kế hoạch vô cùng sáng suốt của phái Dương Vụ lúc đó - cũng đã chết yểu. Tuy nhiên, với những cống hiến xuất sắc của họ sau khi trở về tổ quốc, lịch sử sẽ không bao giờ lãng quên họ. Trong số đó, tiêu biểu nhất là Chiêm Thiên Hựu - kĩ sư cầu đường-, người sau này trở thành Tổng công trình sư xây dựng đường sắt của Trung Quốc<sup>(16)</sup>. Trong ngành Khai khoáng, có Hoàng Diệu Xương, Trần Vinh Quý; ở ngành Điện báo, có Chu Bảo Khuê và Chu Vạn Bằng... Chắc chắn, đó là những tên tuổi sẽ còn mãi lưu lại trong lịch sử cận đại Trung Quốc.

\*

Từ quy luật lịch sử CNTB thay thế chủ nghĩa phong kiến, những hoạt động học tập phương Tây nhằm phát triển nền công nghiệp quốc phòng và công nghiệp dân dụng cận đại, đột phá vào nền giáo dục truyền thống... của phái Dương Vụ chính là con đường tất yếu để Trung Quốc giành độc lập và mưu cầu tiến bộ. Đáng tiếc là, PTDV đã không thể khiến Trung Quốc "Phú cường", dù Phong trào này đã có tác dụng thúc đẩy tiến trình cận đại hóa ở Trung Quốc vào nửa cuối thế kỷ XIX, bằng vào những đóng góp cực kỳ trọng đại cho xã hội

Trung Quốc - như lời khẳng định của Giáo sư Lý Thời Nhạc. Với kết cục bi thảm của Hạm đội Bắc Dương trong cuộc chiến tranh Trung - Nhật năm Giáp Ngọ (1894), PTDV đã chính thức phá sản.

Nguyên nhân thất bại của PTDV có nhiều. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ đặc biệt lưu ý đến một nguyên nhân quan trọng: phái Dương Vụ đã không nhận thấy *tính chính thể* của văn hóa, chỉ giản đơn truy cầu văn minh vật chất một cách bản năng theo phương châm "Trung học vi thể - Tây học vi dụng", nhằm mục đích tối hậu là bảo vệ và duy trì thể chế phong kiến. Nghĩa là, theo cách nói ngày nay, ý nguyện của phái Dương Vụ là đem CNTB vào quỹ đạo hoặc mô thức của chủ nghĩa phong kiến, đặt nó dưới sự khống chế của thể chế phong kiến!

Sự tương phản gay gắt giữa thành công của Nhật Bản thời Duy tân Minh Trị với thất bại của PTDV ở Trung Quốc (trong cùng thời kỳ) đã giúp chúng ta thấu hiểu hơn nguyên nhân thất bại của PTDV, và càng hiểu hơn nguyên nhân thành công của phong trào Duy tân Minh Trị. Cụ thể là, khác với người Trung Quốc, người Nhật - để hiện đại hóa đất nước -, ngoài việc hấp thu văn hóa phương Tây từ chính thể, họ đồng thời có ý thức phản tỉnh sâu sắc, tiến hành phê phán khá toàn diện nền văn hóa truyền thống của dân tộc mình (trong đó chủ yếu là hình thái ý thức phong kiến coi Nho học là chủ đạo), ví như: "Khi phê phán "sự học huyền hư của Nho gia" thì họ tiếp nhận chủ nghĩa thực chứng của nhà triết học Pháp

Anguste Comte (1798-1857), nhằm đề xướng "Thực học"; phê phán chủ nghĩa cấm dục "Khắc kỷ" Nho gia thì tiếp nhận tư tưởng công lợi chủ nghĩa của nhà triết học Anh Giôn Xtiu Acminlơ (1806-1873), nhằm đề xướng thuyết "Khoái lạc" của chủ nghĩa công lợi; phê phán quan niệm đẳng cấp và sự phục tùng đạo đức của Nho gia biểu hiện qua thuyết Tam cương Ngũ thường thì tiếp nhận thuyết "Thiên phú nhân quyền" và thuyết "Khế ước xã hội" của nhà tư tưởng khai sáng Jean Jacques Rousseau (1712-1778), nhằm đề xướng tinh thần "độc lập tự tôn"; phê phán Nho gia phong kiến duy trì chủ nghĩa quân chủ chuyên chế thì tiếp nhận thuyết Quân chủ lập hiến của Đức, nhằm xây dựng chế độ chính trị quân chủ lập hiến"<sup>(17)</sup>.

---

#### CHÚ THÍCH:

(1) Xem: *Từ hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1989, trang 1050.

(2) Trung học vi thể, Tây học vi dụng (TT-TD): Luân lý cương thường của Trung Quốc, là gốc để trị quốc; Khoa học kỹ thuật phương Tây, là biện pháp để giàu mạnh.

Chính sách văn hóa "TT -TD" *manh nha* ở Trung Quốc từ đầu những năm 60 thế kỷ XIX, khi Phùng Quế Phân chủ trương "Lấy danh giáo luân thường của Trung Quốc làm gốc, phụ thêm vào đó là thuật phú cường". Sau đó, vào những thập niên 70, 80 và đầu những năm 90, nhiều nhà tư tưởng phái Dương Vụ ủng hộ chủ trương này, coi Trung học là "Hình nhi thượng giả", "Đạo", "Bản nguyên"; coi Tây học là "Hình nhi hạ giả", "Khí", "Mạt"; từ đó, họ coi Trung học là "Chủ" hoặc "Thể", Tây học là "Phụ" hoặc "Dụng".

Đến tháng 4 năm 1895, trong bài "Khuông thời sách" của nhà báo Thẩm Thọ Khang (bút danh của Thẩm Dục Quế) đăng trên tờ *Vạn quốc công báo*, chính sách văn hóa trên mới *chính thức được định danh* là "Trung học vi thể, Tây học vi dụng".

(Xem thêm: Đào Duy Đạt, "Tìm hiểu chính sách văn hóa "Trung học vi thể - Tây học vi dụng" ở Trung Quốc trong Phong trào Dương Vụ (1861-1894)", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4/2002, trang 70.

(3) *Trung Quốc sử nghiên cứu*, số 1.1984. Dẫn theo: Nguyễn Anh Thái (chủ biên) - Đặng Thanh Tịnh - Ngô Phương Bá, *Lịch sử Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, H.1991, trang 123.

(4) Bát cổ văn: Là một thể văn do hai triều Minh - Thanh quy định trong chế độ khảo thí khoa cử. Mỗi bài văn Bát cổ gồm 8 phần, là: Phá đề, Thừa đề, Khởi giảng, Nhập thủ, Khởi cổ, Trung cổ, Hậu cổ, và Thúc cổ. "Phá đề", tức người viết dùng 2 câu mở bài, nêu lên ý chính của toàn bài; "Thừa đề", là làm rõ ý nghĩa của vấn đề đặt ra ở phần mở bài; "Khởi giảng", là phân bắt đầu nghị luận; "Nhập thủ", là tiếp tục phân "Khởi giảng". Bốn phần còn lại, từ "Khởi cổ" đến "Thúc cổ" mới là 4 đoạn nghị luận chính thức, trong đó, bộ phận "Trung cổ" là trọng tâm của toàn bài. Trong 4 đoạn này, mỗi đoạn đều phải có 2 vế đối xứng và đối ngẫu với nhau, tạo thành 8 vế, nên gọi là "Bát cổ văn", hoặc "Bát tỷ". Đề bài của Bát cổ văn chủ yếu trích từ *Tứ thư* (bốn bộ sách kinh điển Nho gia: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử); Nội dung nghị luận cũng phải căn cứ vào sách *Tứ thư tập chú* của Chu Hy thời Tống; Người viết không được phép viết ra những suy nghĩ của riêng mình. Xem: *Từ hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1989, tr. 308.

(5) (7) Lý Khánh - Lý Thời Nhạc - Lý Đức Trung - Dương Sách - Cung Thư Phong: *Trung Quốc cận đại sử*, Trung Hoa thư cục xuất bản xã, 1994 các trang 257, 162

(6) (11) (12) (16) Trần Húc Lộ - Phương Minh Danh (chủ biên): *Trung Quốc cận đại sử từ*

*diễn*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1982, các trang 3, 7, 471, 716.

(8) Tổng lý các quốc sự vụ nha môn, gọi tắt là "Tổng lý nha môn": Là cơ cấu trực thuộc Trung ương, quản lý toàn bộ các hoạt động Dương Vụ và ngoại giao, được triều đình Thanh phê chuẩn thành lập ngày 20/1/1861 (Hàm Phong năm thứ 11). Chủ trì cơ cấu này là Cung thân vương Dịch Hân và Đại học sĩ Văn Tường. Đến năm 1901 (Quang Tự năm thứ 27), theo qui định của "Điều ước Tân Dậu", *Tổng lý nha môn* cải tổ thành Bộ Ngoại vụ, và được xếp ở vị trí đầu tiên trong 6 Bộ.

(Xem: Trần Húc Lộ - Phương Minh Danh (chủ biên): *Trung Quốc cận đại sử từ điển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1982, trang 541).

(9) (10) Tang Hàm Chi: *Văn Thanh chính trị dữ văn hóa*, Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996, các trang 66, 80.

(13) Tăng Quốc Phiên (1811-1872), người Hồ Nam và Lý Hồng Chương (1823-1901), người An Huy. Hai ông đều là tiến sĩ thời Đạo Quang. Họ là đại diện cho giai cấp địa chủ người Hán, nổi lên trong quá trình trấn áp cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc. Sau đó, trong PTDV, họ là những người rất có quyền thế, đã tận lực trừ hoạch, thực thi những chính sách, chủ trương của phái Dương Vụ do Cung thân vương Dịch Hân chủ trì.

(Xem: Trần Húc Lộ - Phương Minh Danh (chủ biên): *Trung Quốc cận đại sử từ điển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1982, trang 702 và 322).

(14) Đinh Vĩ Chí - Trần Tùng: *Trung tây thể dụng chi gian*, Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1995, tr.73.

(15) Trần Lập Sinh - Đường Bảo Phú: *Trung Quốc cận đại ái quốc tư tưởng sử*, Giang Tô giáo dục xuất bản xã, 1995, trang 40.

(17) Nhiều tác giả: *Văn hóa phương Đông dữ hiện đại hóa*, Nxb Thời sự, Bắc Kinh, 1992, tr.233.

